| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHỢ MỚI**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 36/2020/DS-ST
Ngày: 13/5/2020.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Đòi tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thanh Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Ly;

2. Ông Huỳnh Tấn Khoa;

***- Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và Đòi tài sản" Tho Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2020/QĐXX-ST, ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1960; địa chỉ: số 432, tổ 17, ấp L, xã K, huyện M, tỉnh An Giang (Có mặt).

*2. Bị đơn*:

*2.1* Bà Trương Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp L, xã K, huyện M, tỉnh An Giang (Có mặt).

*2.2* Ông Võ Hữu H, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp L, xã K, huyện M, tỉnh An Giang (Có mặt).

*3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Th (C), sinh năm 1981; địa chỉ: số 2592, ấp P, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản H giải, nguyên đơn bà Phạm Thị Đ trình bày: Do chỗ quen biết ở xóm nên bà có cho bà T vay tiền nhiều lần vào năm 2017, nhưng đã trả xong. Đến năm 2019, bà T bắt đầu hỏi vay tiền và vàng của bà nhiều lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 20/3/2019 (dl), bà T vay 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%, mục đích vay để làm vốn canh tác vườn và hẹn khi nào bán cóc sẽ trả;

- Lần 2: Vào ngày 26/3/2019 (dl), bà T vay 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%, mục đích vay để làm vốn canh tác vườn và hẹn khi nào có tiền trả;

- Lần 3: Vào ngày 27/4/2019 (dl), bà T vay 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%, mục đích vay để làm vốn canh tác vườn và hẹn khi nào có tiền trả. Cùng ngày, bà T vay của bà 10 chỉ vàng 24k, vàng 9999, lãi suất thỏa thuận 1.500.000 đồng/tháng/10 chỉ;

Việc vay này do bà T trực tiếp nhận tiền và vàng, bà T trực tiếp ghi vào tập học sinh của bà (bà không biết chữ, chỉ ghi được chữ Đ). Từ khi vay, bà T là người trực tiếp trả lãi cho bà. Bà đã nhận lãi đến tháng 5/2019 thì bà T ngưng không trả lãi cho bà đến nay. Bà xác định bà nhận lãi từ bà T là 1.500.000 đồng/10 chỉ vàng và số tiền 3.900.000 đồng trên số tiền. Vào ngày 20/5/2019 (dl), bà T ghi số tiền và vàng đã nợ bà qua một biên nhận khác cũng là tập học sinh. Bà xác định toàn bộ các biên nhận mà bà cung cấp cho Tòa án là do bà T ghi. Do bà T không trả lãi và vốn cho bà nên bà có thưa bà T, ông H ra Ban ấp L, xã K. Tại biên bản làm việc của Ban ấp ngày 04/9/2019, bà T cho rằng bà vay tiền và vàng của bà Đ là vay dùm cho bà Th, nhưng bà không biết bà Th. Việc ban ấp ghi tên bà Th vào biên bản bà không biết (vì bà không biết chữ). Do bà T và ông H là vợ chồng, bà T vay tiền, vàng của bà để làm vốn canh tác vườn nên bà yêu cầu bà T và ông H phải trả cho bà số tiền 75.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k, vàng 9999. Bà rút lại yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, bà Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Trương Thị T trình bày: Khoảng năm 2017, bà có vay tiền của bà Đ nhiều lần (không nhớ ngày tháng), chỉ nhớ nhận từng đợt, gồm: đợt 15.000.000 đồng, đợt 40.000.000 đồng, đợt 20.000.000 đồng. Tổng cộng 75.000.000 đồng, các đợt nhận tiền này bà không nhớ số tiền nào bà nhận trước, số tiền nào nhận sau và bà có vay bà Đ là 10 chỉ vàng 24k, vàng 9999. Việc vay tiền và vàng của bà Đ có ghi vào tập học sinh của bà Đ, do bà là người trực tiếp ghi. Bà xác định việc bà vay tiền, vàng của bà Đ là vay dùm bà Th, nên sau khi bà nhận tiền và vàng của Đ thì bà đưa cho bà Th. Việc bà Th vay tiền và vàng để làm vườn nên có hẹn khi nào thu hoạch trái sẽ trả cho bà Đ. Hàng tháng bà có trả lãi cho bà Đ thì bà Đ yêu cầu bà sang sổ mới, còn việc sang bao nhiêu sổ thì bà không nhớ. Bà xác định một tờ biên nhận mở đầu bằng chữ "năm 200019 T 20 tháng ba" và một tờ biên nhận mở đầu bằng chữ "năm 200019 T ngày 20

tháng 5" do bà Đ cung cấp cho Tòa án, là do bà viết. Nhưng đây là bà viết sang sổ từ năm 2017 qua. Việc vay tiền thỏa thuận lãi suất 30%/tháng, vàng 1.500.000 đồng/tháng/10 chỉ. Bà đã trả lãi cho bà Đ từ năm 2017 (không nhớ tháng) đến tháng 5/2019 thì ngưng cho đến nay, mỗi tháng bà trả lãi cho bà Đ 2.250.000 đồng trên số tiền 75.000.000 đồng, còn vàng 1.500.000 đồng trên số vàng 10 chỉ. Do bà Th làm vườn thua lỗ nên không trả lãi và trả vốn cho bà Đ. Nay, đối với yêu cầu của bà Đ, bà không đồng ý, vì bà chỉ vay dùm cho bà Th. Bà xác nhận bà có tham gia H giải tại ban ấp L, xã K ngày 04/9/2019 và bà có ký tên vào biên bản H giải. Bà xác định đã được Tòa án giải thích về lãi suất cho vay theo quy định pháp luật cũng như lãi suất cho vay vàng, nhưng bà không yêu cầu điều chỉnh lãi suất theo quy định pháp luật, cũng như không yêu cầu bà Đ trả số tiền lãi vàng mà bà đã trả cho bà Đ.

Bị đơn ông Võ Hữu H trình bày: Việc vợ ông (bà T) vay tiền, vàng của bà Đ như thế nào ông không biết? Nhưng bà Đ có đến nhà ông kêu chị dâu (bà Th) ông mang tiền về đóng lãi. Số tiền, vàng này chị dâu ông vay của bà Đ nên ông không đồng ý trả.

Tại phiên tòa, bà T, ông H giữ nguyên ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày: Vào năm 2017, bà trực tiếp đến hỏi vay tiền của bà Đ, nhiều lần, nhưng không nhớ mỗi lần là bao nhiêu? Nhưng hiện nay bà nợ bà Đ số tiền 75.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k, vàng 9999. Việc bà vay tiền của bà Đ do bà T trực tiếp viết biên nhận với bà Đ vào năm 2017. Bà không nhớ ngày tháng, nhưng năm 2018 bà chốt nợ với bà Đ, bà nợ bà Đ số tiền 75.000.000 đồng, còn vàng 10 chỉ vàng 24k, vàng 9999. Việc chốt nợ giữa bà với bà Đ không làm giấy tờ. Việc bà T sang sổ nhận nợ vào năm 2019 thì bà biết và bà xác nhận một tờ biên nhận mở đầu bằng chữ "năm 200019 T 20 tháng ba" và một tờ biên nhận mở đầu bàng chữ "năm 200019 T ngày 20 tháng 5" do bà Đ cung cấp cho Tòa án, là do bà T viết. Bà trực tiếp trả lãi cho bà Đ từ 2017 đến tháng 5/2019 thì ngưng cho đến nay. Mỗi tháng bà trả lãi cho bà Đ là 2.250.000 đồng trên số tiền 75.000.000 đồng, còn vàng 1.500.000 đồng trên 10 chỉ. Việc bà trả lãi cho bà Đ không làm giấy tờ, nhưng có ghi vào tập học sinh của bà Đ, bà là người trực tiếp trả cho bà Đ và có khi bà đưa tiền cho bà T trả dùm cho bà Đ. Bà xác định vàng và tiền này do bà T vay dùm bà, nhưng bà Đ không kiện bà mà kiện bà T với ông H. Nay, bà đồng ý trả cho bà Đ nhưng xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số tiền 75.000.000 đồng. Khi nào trả hết số tiền trên bà mới trả dần cho bà Đ 01 chỉ vàng/tháng cho đến khi hết số vàng 10 chỉ vàng 24k, 9999. Bà xác định bà đã được Tòa án giải thích về lãi suất cho vay theo quy định pháp luật cũng như lãi suất cho vay vàng, nhưng bà không yêu cầu điều chỉnh lãi suất theo quy định pháp luật cũng như không yêu cầu bà Đ trả số tiền lãi vàng mà bà đã trả cho bà Đ. Bà xác nhận bà có tham gia H giải tại ban ấp L, xã K ngày 04/9/2019, nhưng bà không có giấy mời, vì tại ấp L, bà Đ không có thưa bà, nhưng bà có ký tên vào biên bản hòa giải của Ban ấp.

Tại phiên tòa, bà Th giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân Tho pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Các ngày 20/3/2019, 26/3/2019 và 27/4/2019, bà Phạm Thị Đ có cho bà Trương Thị T vay tổng cộng 75.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K loại 9999, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng và 1.500.000 đồng/tháng/10 chỉ, mục đích để làm vốn canh tác vườn. Việc vay do bà T nhận tiền trực tiếp và làm biên nhận. Trong quá trình vay, bà T có trả lãi đến tháng 5/2019 thì ngưng đến nay. Tại biên bản hòa giải của Ban ấp L ngày 04/9/2019, bà T cho rằng vay giùm cho bà Nguyễn Thị Th nhưng bà Đ không biết bà Th. Nay, bà Đ yêu cầu bà T, ông Võ Hữu H (chồng bà T) liên đới trả 75.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K loại 9999. Rút lại yêu cầu tính lãi suất.

Phía bà T thừa nhận có ký biên nhận với bà Đ tổng số tiền 75.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K loại 9999 nhưng vay giùm cho bà Th nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Đ và không yêu cầu điều chỉnh lãi suất. Riêng, ông H không biết việc bà T vay tiền của bà Đ và ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà Đ với bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và được thể hiện bằng các biên nhận do bà T viết, bà T vẫn thừa nhận có ký biên nhận với bà Đ tổng cộng 75.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K loại 9999 nên việc bà Đ khởi kiện là có căn cứ phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Phía bà T cho rằng tiền và vàng là vay giùm bà Nguyễn Thị Th và bà Th vẫn thừa nhận việc vay này nhưng đây là quan hệ dân sự khác và bà Đ không yêu cầu đối với bà Th nên không đề cập giải quyết.

Riêng ông H, tuy không trực tiếp giao dịch với bà Đ nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại, nên việc bà Đ yêu cầu ông H liên đới cùng bà T trả nợ là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Về lãi suất, do bà Đ rút yêu cầu tính lãi suất nên cần đình chỉ theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 166, 463, 466 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ đối với bà Trương Thị T, ông Võ Hữu H.

- Buộc bà Trương Thị T, ông Võ Hữu H liên đới trả cho bà Phạm Thị Đ số tiền vay 75.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K loại 9999.

- Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Phạm Thị Đ.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét quyết định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bà Trương Thị T, ông Võ Hữu H. Bà T, ông H có nơi cư trú ấp L, xã K, huyện M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền Tho quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn yêu cầu bà T, ông H trả số tiền và vàng, không yêu cầu tính lãi. Do vậy, vụ án được xác định là tranh chấp Hợp đồng dân sự về Hợp đồng vay tài sản và Đòi tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn xin thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, việc rút một phần yêu của đương sự là tự nguyện nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Xét lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa nguyên đơn bà Đ, bị đơn bà T đều thống nhất số tiền, vàng hiện nay các bên tranh chấp là 75.000.000 đồng và 10 (mười) chỉ vàng 24kara, loại 9999. Bà T thừa nhận bà là người trực tiếp nhận tiền, vàng từ bà Đ và các giấy tờ xác lập nợ do bà Đ cung cấp cho Tòa án là do bà viết. Tuy nhiên, phía bà T xác định đây là số nợ của bà Th nhờ bà T vay dùm nên không đồng ý trả cho bà Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy, theo quy định pháp luật thì đương sự phải có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, nhưng ngoài lời trình bày của bà và bà Th thì bà T không cung cấp chứng cứ chứng minh, trong khi bà Đ không thừa nhận việc này. Đối với Biên bản hòa giải của Ban ấp L, xã K ngày 04/9/2019, thể hiện bà Đ khởi kiện bà T trả tiền mà không thể hiện nội dung bà T vay tiền dùm bà Th. Vì vậy, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét lời trình bày của bà, mà căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có cơ sở xác định giữa bà Đ và bà T đã xác lập hợp đồng vay số tiền 75.000.000 đồng và mượn số vàng 10 (mười) chỉ vàng 24kara, loại 9999 trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đây là hợp đồng hợp pháp nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên. Bà T còn nợ bà Đ số tiền 75.000.000 đồng và 10 (mười) chỉ vàng 24kara, loại 9999, nên bà Đ khởi kiện yêu cầu bà T trả là có cơ sở và phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

[5] Đối với ông Võ Hữu H tuy không trực tiếp vay tiền, mượn vàng của bà Đ, nhưng bà T xác định bà và ông H là vợ chồng có đăng ký kết hôn và hiện nay đang sống chung với nhau, nên đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông H. Vì vậy, có cơ sở buộc ông H phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà T trả cho bà Đ số tiền 75.000.000 đồng và 10 (mười) chỉ vàng 24kara, loại 9999 là phù hợp theo quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[6] Đối với yêu cầu của bà Th, bà không chứng minh được số tiền 75.000.000 đồng và 10 (mười) chỉ vàng 24kara, loại 9999 là bà nhờ bà T vay, mượn dùm của bà Đ nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[7] Đối với số tiền vay do bà Đ không yêu cầu tiền lãi phát sinh, cũng như các bên đương sự không yêu cầu khấu trừ lãi suất đã nhận nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Đối với tiền lãi vàng mà các bên giao nhận, các bên không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Từ cơ sở phân tích trên, có cơ sở buộc bà T và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đ số tiền 75.000.000 đồng và 10 (mười) chỉ vàng 24kara, loại 9999.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Do ông H, bà T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Đ nên phải chịu án phí Tho quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 288, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ đối với ông Võ Hữu H và bà Trương Thị T.

Buộc ông Võ Hữu H và bà Trương Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Đ số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) và 10 (mười) chỉ vàng 24kara, loại 9999.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án Tho mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ đối với yêu cầu tính lãi suất.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Võ Hữu H và bà Trương Thị T phải chịu 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Do bà Phạm Thị Đ thuộc đối tượng được miễn nộp tạm ứng án phí nên không hoàn trả tạm ứng phí cho bà Phạm Thị Đ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án Tho quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện Tho quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Bình**